

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị	
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 26/04/2025
Ông Phan Quốc Duy	Thành viên Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 26/04/2025

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hưng	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo,



Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Số: 373/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BV

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.640.895.187	32.803.561.624
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.428.646.875	52.360.005
Tiền	111		1.428.646.875	52.360.005
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.079.691.818	32.418.954.964
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.589.477.758	1.549.392.870
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	684.909.252	679.354.252
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	42.504.756.802	35.889.659.836
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.699.451.994)	(5.699.451.994)
Hàng tồn kho	140		-	9.116.662
Hàng tồn kho	141		-	9.116.662
Tài sản ngắn hạn khác	150		132.556.494	323.129.993
Thuế GTGT được khấu trừ	152		132.556.494	132.556.494
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	190.573.499
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.501.709.011	83.476.190.639
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.621.948.409	9.621.948.409
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	9.621.948.409	9.621.948.409
Tài sản cố định	220		3.548.981.985	3.854.242.230
Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.548.981.985	3.854.242.230
- Nguyên giá	222		13.921.621.542	14.659.297.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.372.639.557)	(10.805.054.925)
Tài sản cố định vô hình	227	5	-	-
- Nguyên giá	228		59.500.000	59.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.500.000)	(59.500.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		324.074.074	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		324.074.074	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		866.640.000	866.640.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(866.640.000)	(866.640.000)
Tài sản dài hạn khác	260		6.704.543	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		6.704.543	-
TỔNG TÀI SẢN	270		124.142.604.198	116.279.752.263

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		17.749.515.361	18.139.901.744
Nợ ngắn hạn	310		17.210.515.361	17.600.901.744
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.922.084.946	10.252.860.217
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	562.492.775	369.177.667
Phải trả người lao động	314		1.229.288.018	1.176.228.018
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	1.730.506.232	1.733.276.452
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	3.715.608.791	4.018.824.791
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		50.534.599	50.534.599
Nợ dài hạn	330		539.000.000	539.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	14	539.000.000	539.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.393.088.837	98.139.850.519
Vốn chủ sở hữu	410	16	106.393.088.837	98.139.850.519
Vốn góp của chủ sở hữu	411		162.499.690.000	162.499.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		162.499.690.000	162.499.690.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		278.962.752	278.962.752
Cổ phiếu quỹ	415		(130.000)	(130.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		304.406.186	304.406.186
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(56.689.840.101)	(64.943.078.419)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(64.943.078.419)	(68.520.748.631)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.253.238.318	3.577.670.212
TỔNG NGUỒN VỐN	440		124.142.604.198	116.279.752.263

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	4.789.394.731	2.840.100.887
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.789.394.731	2.840.100.887
Giá vốn hàng bán	11	19	140.643.598	137.083.210
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.648.751.133	2.703.017.677
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	6.615.418.485	3.544.939.132
Chi phí tài chính	22	21	64.192.242	87.706.787
Chi phí bán hàng	25		-	15.714.243
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	2.469.899.105	2.483.934.234
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.730.078.271	3.660.601.545
Thu nhập khác	31		42.270.386	45.455.159
Chi phí khác	32	22	84.000.000	85.388.638
Lợi nhuận khác	40		(41.729.614)	(39.933.479)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.688.348.657	3.620.668.066
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	435.110.339	42.997.854
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.253.238.318	3.577.670.212
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		8.688.348.657	3.620.668.066
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		252.075.986	316.938.632
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.592.045	87.706.787
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(6.657.688.771)	(3.544.939.132)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.292.327.917	480.374.353
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		135.388.156	(107.983.619)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.116.662	28.341.672
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(592.396.127)	(354.530.455)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.704.543)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(242.997.854)	(149.794.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.594.734.211	(103.592.723)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(324.074.074)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		105.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		321.519	71.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(218.752.555)	71.700
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.375.981.656	(103.521.023)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	52.360.005	155.243.289
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		305.214	637.739
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.428.646.875	52.360.005

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

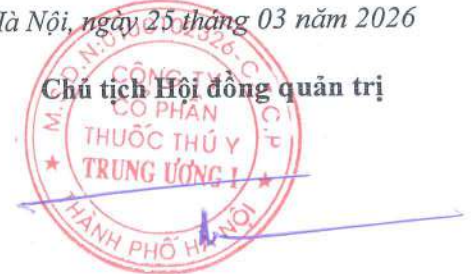
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102326 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2000. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, trụ sở chính của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 15 ngày 15/12/2023.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 162.499.690.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 88, đường Trường Chinh, phường Kim Liên, Hà Nội.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025, hoạt động chính của Công ty là cho thuê địa điểm kinh doanh.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1 có trụ sở chính tại thôn Bình Lương, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc tại thành phố Hồ Chí Minh

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

1.6 NHÂN VIÊN

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 04 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 04 nhân viên).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH*Đầu tư vào Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao trong 3 năm.

3.9 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

3.11 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả có tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được UBCK chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, là các khoản chênh lệch tỷ giá....

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Công ty mẹ, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	1.396.240.449	22.095.992
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.406.426	30.264.013
Cộng	1.428.646.875	52.360.005

5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	59.500.000	59.500.000
31/12/2025	59.500.000	59.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2025	(59.500.000)	(59.500.000)
31/12/2025	(59.500.000)	(59.500.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	-	-
31/12/2025	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	70.000.000.000	-	(*) 70.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1	70.000.000.000	-	(*) 70.000.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	866.640.000	(866.640.000)	(*) 866.640.000	(866.640.000)
- Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ	866.640.000	(866.640.000)	(*) 866.640.000	(866.640.000)
Cộng	70.866.640.000	(866.640.000)	70.866.640.000	(866.640.000)

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con

Hoạt động chính của Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1 trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 là sản xuất, kinh doanh thuốc thú y.

(*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	1.589.477.758	(1.513.702.150)	1.549.392.870	(1.513.702.150)
- Công ty Cổ phần giống Vật nuôi & Cây trồng Đồng Giao	79.818.093	(79.818.093)	79.818.093	(79.818.093)
- Các đối tượng khác	1.509.659.665	(1.433.884.057)	1.469.574.777	(1.433.884.057)
b) Dài hạn	9.621.948.409	-	9.621.948.409	-
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	9.621.948.409	-	9.621.948.409	-
Cộng	11.211.426.167	(1.513.702.150)	11.171.341.279	(1.513.702.150)

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 27.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	684.909.252	(679.354.252)	679.354.252	(679.354.252)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	(549.354.252)	549.354.252	(549.354.252)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	(130.000.000)	130.000.000	(130.000.000)
- Các đối tượng khác	5.555.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	684.909.252	(679.354.252)	679.354.252	(679.354.252)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	42.504.756.802	(3.506.395.592)	35.889.659.836	(3.506.395.592)
- Phải thu khác	42.504.756.802	(3.506.395.592)	35.889.659.836	(3.506.395.592)
+ Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1	38.360.981.502	-	31.745.884.536	-
+ Ông Lê Hữu Tuấn	637.379.708	-	637.379.708	-
+ Ông Nguyễn Huy Đức	629.034.000	(629.034.000)	629.034.000	(629.034.000)
+ Ông Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	(912.020.000)	912.020.000	(912.020.000)
+ Ông Lê Đức Hùng	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	(472.000.000)
+ Các đối tượng khác	1.493.341.592	(1.493.341.592)	1.493.341.592	(1.493.341.592)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	42.504.756.802	(3.506.395.592)	35.889.659.836	(3.506.395.592)

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 27.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

10. NỢ XẤU

	31/12/2025				01/01/2025			
	Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi		Dự phòng		Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán								
- Phải thu khách hàng	1.513.702.150	-	(1.513.702.150)	1.513.702.150	-	1.513.702.150	-	1.513.702.150
+ Ông Trần Văn Diệp	65.276.477	-	(65.276.477)	65.276.477	-	65.276.477	-	(65.276.477)
+ Ông Nguyễn Văn Thiên	29.920.213	-	(29.920.213)	29.920.213	-	29.920.213	-	(29.920.213)
+ Các đối tượng khác	1.418.505.460	-	(1.418.505.460)	1.418.505.460	-	1.418.505.460	-	1.418.505.460
- Trả trước cho người bán	679.354.252	-	(679.354.252)	679.354.252	-	679.354.252	-	679.354.252
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	-	(549.354.252)	549.354.252	-	549.354.252	-	(549.354.252)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	-	(130.000.000)	130.000.000	-	130.000.000	-	(130.000.000)
- Phải thu khác	3.506.395.592	-	(3.506.395.592)	3.506.395.592	-	3.506.395.592	-	3.506.395.592
+ Ông Nguyễn Huy Đức	629.034.000	-	(629.034.000)	629.034.000	-	629.034.000	-	(629.034.000)
+ Ông Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	-	(912.020.000)	912.020.000	-	912.020.000	-	(912.020.000)
+ Ông Lê Đức Hùng	472.000.000	-	(472.000.000)	472.000.000	-	472.000.000	-	(472.000.000)
+ Các đối tượng khác	1.493.341.592	-	(1.493.341.592)	1.493.341.592	-	1.493.341.592	-	(1.493.341.592)
Cộng	5.699.451.994	-	(5.699.451.994)	5.699.451.994	-	5.699.451.994	-	5.699.451.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, VND	Thiết bị dụng cụ VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	8.862.709.301	2.659.690.690 (345.750.000)	2.263.650.080	873.247.084 (391.925.613)	14.659.297.155 (737.675.613)
- Thanh lý, nhượng bán					
31/12/2025	8.862.709.301	2.313.940.690	2.263.650.080	481.321.471	13.921.621.542
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(5.075.647.200)	(2.659.690.690)	(2.263.650.080)	(806.066.955)	(10.805.054.925)
- Khấu hao trong năm	(238.080.116)	-	-	(13.995.870)	(252.075.986)
- Thanh lý, nhượng bán	-	345.750.000	-	338.741.354	684.491.354
31/12/2025	(5.313.727.316)	(2.313.940.690)	(2.263.650.080)	(481.321.471)	(10.372.639.557)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	3.787.062.101	-	-	67.180.129	3.854.242.230
31/12/2025	3.548.981.985	-	-	-	3.548.981.985

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 7.000.894.810 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 8.539.387.537 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.922.084.946	10.252.860.217
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thái Sơn	1.584.287.641	1.994.287.641
- Công ty TNHH Công trình Thiết kế Nam Ninh Công nghiệp nhẹ Trung Quốc	2.060.333.847	1.995.836.391
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	2.499.323.543	2.499.323.543
- Các nhà cung cấp khác	3.778.139.915	3.763.412.642
b) Dài hạn	-	-
Cộng	9.922.084.946	10.252.860.217

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 27.1

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.730.506.232	1.733.276.452
- Chi phí bán hàng phải trả CBCNV	1.666.404.500	1.666.406.500
- Các khoản trích trước khác	64.101.732	66.869.952
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.730.506.232	1.733.276.452

c) Chi phí phải trả là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 27.1

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.715.608.791	4.018.824.791
- Kinh phí công đoàn	33.004.883	36.220.883
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.682.603.908	3.982.603.908
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	390.212.000
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	300.000.000
+ Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	136.723.837
+ Ông Lê Đức Liên	1.370.604.981	1.370.604.981
+ Bà Nguyễn Thị Phương	546.956.522	546.956.522
+ Ông Lê Hữu Tuấn	747.785.260	747.785.260
+ Các đối tượng khác	490.321.308	490.321.308
b) Dài hạn	539.000.000	539.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	539.000.000	539.000.000
Cộng	4.254.608.791	4.557.824.791

c) Phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 27.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng	234.895.640		404.899.985		398.179.362		241.616.263	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.997.854		435.110.339		242.997.854		235.110.339	
- Thuế thu nhập cá nhân	10.161.875		47.960.375		53.478.375		4.643.875	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	81.122.298		4.000.000		4.000.000		81.122.298	
Cộng	369.177.667		891.970.699		698.655.591		562.492.775	

Thuế và các khoản phải thu

	01/01/2025		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	190.573.499		681.099.653		490.526.154		-	
Cộng	190.573.499		681.099.653		490.526.154		-	

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐÓI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2024	162.499.690.000	-	278.962.752	-	(130.000)	-	304.406.186	(68.520.748.631)	94.562.180.307	3.577.670.212	98.139.850.519
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2024	162.499.690.000	-	278.962.752	-	(130.000)	-	304.406.186	(64.943.078.419)	98.139.850.519	3.577.670.212	98.139.850.519
01/01/2025	162.499.690.000	-	278.962.752	-	(130.000)	-	304.406.186	(64.943.078.419)	98.139.850.519	8.253.238.318	8.253.238.318
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.253.238.318	8.253.238.318
31/12/2025	162.499.690.000	-	278.962.752	-	(130.000)	-	304.406.186	(56.689.840.101)	106.393.088.837	106.393.088.837	106.393.088.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Bà Nguyễn Thị Hương	6.702.490.000	6.702.490.000
- Ông Lê Chí Cường	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ông Chu Văn Chung	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	85.797.070.000	85.797.070.000
- Cổ phiếu quỹ	130.000	130.000
Cộng	162.499.690.000	162.499.690.000

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	162.499.690.000	162.499.690.000
+ Vốn góp đầu năm	162.499.690.000	162.499.690.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	162.499.690.000	162.499.690.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

16.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.249.969	16.249.969
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.249.969	16.249.969
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>16.249.969</i>	<i>16.249.969</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	13	13
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13</i>	<i>13</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.249.956	16.249.956
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>16.249.956</i>	<i>16.249.956</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

16.5 CÁC QUỸ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	304.406.186	304.406.186
Quỹ khen thưởng phúc lợi	50.534.599	50.534.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	371,28	540,47
18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.789.394.731	2.840.100.887
Cộng	<u>4.789.394.731</u>	<u>2.840.100.887</u>
19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	140.643.598	137.083.210
Cộng	<u>140.643.598</u>	<u>137.083.210</u>
20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	321.519	71.700
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.615.096.966	3.544.867.432
Cộng	<u>6.615.418.485</u>	<u>3.544.939.132</u>
21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá phát sinh trong năm	54.600.197	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	9.592.045	87.706.787
Cộng	<u>64.192.242</u>	<u>87.706.787</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi nộp phạt	-	1.388.638
- Thù lao HĐQT	84.000.000	84.000.000
Cộng	84.000.000	85.388.638

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	2.469.899.105	2.483.934.234
- Chi phí nhân viên quản lý	856.842.105	689.372.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	27.464.392	56.049.172
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	111.432.388	164.141.179
- Thuế, phí và lệ phí	685.099.653	458.547.754
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	314.786.016	344.871.959
- Chi phí bằng tiền khác	474.274.551	770.952.170
b) Các khoản chi phí bán hàng	-	15.714.243
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	15.714.243
Cộng	2.469.899.105	2.499.648.477

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	27.464.392	56.049.172
- Chi phí nhân công	856.842.105	689.372.000
- Khấu hao tài sản cố định	252.075.986	316.938.632
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	314.786.016	344.871.959
- Chi phí bằng tiền khác	1.159.374.204	1.229.499.924
Cộng	2.610.542.703	2.636.731.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.688.348.657	3.620.668.066
Các khoản chi phí không được khấu trừ	102.300.000	139.188.638
- Các khoản chi phí (phạt)	-	1.388.638
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	84.000.000	84.000.000
- Chi phí không hợp lý khác	18.300.000	53.800.000
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	6.615.096.966	3.544.867.432
- Cổ tức lợi nhuận được chia	6.615.096.966	3.544.867.432
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.175.551.691	214.989.272
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	435.110.339	42.997.854

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	Công ty con

Thu nhập của những thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Bà Bùi Hương Liên	Thành viên HĐQT	-	8.000.000
Ông Phan Quốc Duy	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/04/2025)	8.000.000	16.000.000
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/04/2025)	16.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Người quản trị Công ty	24.000.000	-
Cộng		108.000.000	84.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1		
Chuyển lãi về Công ty mẹ	6.615.096.966	3.544.737.647
Ông Nguyễn Anh Tuấn		
Chuyển trả tiền vay	300.000.000	100.000.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng	9.621.948.409	9.621.948.409
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	9.621.948.409	9.621.948.409
Phải thu khác	38.360.981.502	31.745.884.536
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	38.360.981.502	31.745.884.536
Phải trả người bán	2.499.323.543	2.499.323.543
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	2.499.323.543	2.499.323.543
Phải trả khác	-	300.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	300.000.000

27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn